

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Bà Trần Thiên Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2020 về việc “V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Hoàng A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T và anh A có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Thị T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Lê Hoàng A đám cưới và

chung sống với nhau vào đầu năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, vào ngày 25/11/2016.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018, chị T và anh A phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh A đánh đập chị T và dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị T, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T và anh A không sống chung với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, chị T nhiều lần tìm cách để vợ, chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị T nhận thấy đời sống vợ, chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng A.

Con chung: Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung: Chị T và anh A có tài sản chung như sau:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị T với anh A có tài sản gồm 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 54m², thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đất do anh Lê Hoàng A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện căn nhà và phần đất nêu trên anh A quản lý, sử dụng.

Theo đơn khởi kiện, chị T đồng ý giao căn nhà gắn liền với diện tích đất 54m² cho anh A là người trực tiếp quản lý sử dụng. Chị T yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà và đất nêu trên.

Tại phiên tòa, chị T đồng ý giao căn nhà gắn liền với diện tích đất 54m² cho anh A là người trực tiếp quản lý sử dụng. Chị T yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà. Còn phần đất là tài sản của cá nhân anh A, chị T không yêu cầu chia diện tích đất 54m² tại thửa 1616, tờ bản đồ số 16.

Ngoài ra, vợ chồng còn có tài sản khác nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Hoàng A trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T chung sống như vợ chồng vào đầu năm 2016, cuối năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay, anh A nhận thấy không còn tình cảm với chị T nên anh A đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T, không yêu cầu Tòa án xem xét hành vi vi phạm chế độ hôn nhân của chị T.

Con chung: Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung: Trước khi kết hôn, cha mẹ anh A cho phần đất diện tích 54m², thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Hoàng A, đất này do cha mẹ anh A cho cá nhân anh A.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có xây dựng căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 54m², thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chi phí xây dựng là do bà Trịnh T1, em bà con của bà T gửi về từ Hoa Kỳ cho vợ chồng anh A, mục đích cho là để vợ chồng anh A có nơi ở ổn định, đồng thời khi bà T1 về thăm vợ chồng anh A có nơi tiếp khách khang trang.

Ngoài ra, vợ chồng còn có tài sản khác nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh A yêu cầu giao toàn bộ nhà cho chị T nhưng chị T phải di dời nhà đi nơi khác, trả đất cho anh A.

Trường hợp, chị T không yêu cầu chia nhà thì anh A đồng ý giao cho chị T các tài sản khác.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Phan Thị T và anh Lê Hoàng A.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà cấp 4 diện tích 49,1m². Anh A được tiếp tục sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 49,1m², tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và có trách nhiệm trả ½ giá trị căn nhà cho chị T theo giá Hội đồng định giá.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia ½ giá trị diện tích đất 54,7m² (đo đạc thực tế là 52,4m²), thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Phan Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn. Bị đơn anh Lê Hoàng A có địa chỉ và phần đất tranh chấp tọa lạc tại Phường D, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh A: Chị T và anh A kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, vào ngày 25/11/2016 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên đánh nhau, vợ chồng không sống chung từ 2019 đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị T và anh A thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, chị T và anh A thuận tình ly hôn.

[2.2] Con chung: Chị Phan Thị T và anh Lê Hoàng A thống nhất vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản:

- Xét nguồn gốc phần đất tại thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chị T và anh A đang xây dựng nhà: Tại phiên tòa, chị T và anh A thống nhất đất của cha mẹ anh A tặng cho riêng anh A, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Chị T rút yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất tại thửa 1616, tờ bản đồ số 16. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự tự nguyện rút yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất thửa 1616 là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất thửa 1616 của chị T.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn là căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích 54,7m² (đo đạc thực tế là 52,4m²), thửa 1616, tờ bản đồ số 16: Tại phiên tòa, chị T và anh A thừa nhận nguồn gốc số tiền xây dựng nhà là của em bà con của chị T cho chị T và anh A để xây dựng nhà nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, đồng ý giao căn nhà cho anh A; anh A đồng ý chia nhà cho chị T nhưng chị T phải đi dời đi nơi khác. Hội đồng xét xử xét thấy, anh A đang quản lý, sử dụng đất (là tài sản của cá nhân anh A) và căn nhà (là tài sản chung của vợ chồng) gắn liền với quyền sử dụng đất nên giao cho anh A được sở hữu căn nhà là có căn cứ nên chấp nhận, tổng giá trị căn nhà: diện tích nhà $49,1 \text{ m}^2 \times 2.681.000 \text{ đồng} = 131.637.000 \text{ đồng}$; $2 = 65.818.500 \text{ đồng}$.

Buộc anh Lê Hoàng A có trách nhiệm giao cho chị Phan Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 65.818.000 đồng.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Lê Hoàng A thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.832.000 đồng, mỗi người phải chịu là 1.916.000 đồng; chị T đã tạm ứng và chi xong nên anh A có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 1.916.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí về chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Xét lời trình bày quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ như đã phân tích trên nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 33, 43, 51, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Lê Hoàng A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Phan Thị T về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất thuộc thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T về việc chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4.

Anh A được sở hữu căn nhà cấp 4, diện tích 49,1m² xây dựng trên phần đất tại thửa 1616, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Buộc anh Lê Hoàng A có trách nhiệm giao cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 65.818.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về nợ chung: Không có.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.832.000 đồng, mỗi người phải chịu là 1.916.000 đồng; chị T đã tạm ứng và chi xong nên anh A có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 1.916.000 đồng.

Án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng và án phí chia tài sản là 3.291.000 đồng, tổng cộng là 3.441.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004557 ngày 26/3/2020 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004558 ngày 26/3/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy chị T còn phải nộp tiếp số tiền 641.000 đồng.

Anh Lê Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng và án phí chia tài sản là 3.291.000 đồng, tổng cộng là 3.441.000 đồng.

Chị T và anh A có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- UBND Phường D, TPCL (số 106, ngày 25/11/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh